



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN  
KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Quý IV/2012**

*Lào Cai, tháng 01 năm 2013*

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHAI THÁC VÀ  
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN LÀO CAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý IV/2012**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	3
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	4
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	5 - 13

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01-DN**  
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>213.305.401.932</b>	<b>52.149.485.742</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>24.012.366.888</b>	<b>7.412.916.351</b>
1. Tiền	111	5	3.012.366.888	5.412.916.351
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>119.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		119.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>59.782.662.278</b>	<b>25.204.127.254</b>
1. Phải thu khách hàng	131		43.621.309.418	13.547.027.943
2. Trả trước cho người bán	132		12.906.195.615	10.369.511.821
5. Các khoản phải thu khác	135	7	3.255.157.245	1.287.587.490
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>9.993.452.808</b>	<b>12.432.442.137</b>
1. Hàng tồn kho	141		9.993.452.808	12.432.442.137
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>516.919.958</b>	<b>2.100.000.000</b>
3. Thuế và các khoản khác phải thu N.nước	154	9	516.919.958	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	2.100.000.000
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>87.780.011.376</b>	<b>61.422.883.298</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>47.215.182.643</b>	<b>51.473.605.508</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	47.215.182.643	51.473.605.508
- Nguyên giá	222		59.991.635.154	59.873.544.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.776.452.511)	(8.399.938.737)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>40.500.000.000</b>	<b>6.010.000.000</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		40.500.000.000	6.010.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>64.828.733</b>	<b>3.939.277.790</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	64.828.733	3.939.277.790
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>301.085.413.308</b>	<b>113.572.369.040</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN  
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>14.165.417.162</b>	<b>3.318.673.648</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>14.165.417.162</b>	<b>3.318.673.648</b>
2. Phải trả người bán	312		5.163.800.315	-
3. Người mua trả tiền trước	313		213.475.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	8.767.743.997	3.267.660.499
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		20.397.850	51.013.149
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>286.919.996.146</b>	<b>110.253.695.392</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	14	<b>286.919.996.146</b>	<b>110.253.695.392</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		214.200.000.000	85.680.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		72.719.996.146	24.573.695.392
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>301.085.413.308</b>	<b>113.572.369.040</b>



Phạm Bá Huy  
Tổng Giám đốc  
Lào Cai, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý IV/2012

MẪU B 02-DN  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	15	11.867.503.647	4.234.675.701	95.274.986.835	44.576.826.518
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	16	11.867.503.647	4.234.675.701	95.274.986.835	44.576.826.518
4. Giá vốn hàng bán	11		8.300.541.659	1.651.034.632	43.501.343.030	17.831.675.849
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		3.566.961.987	2.583.641.069	51.773.643.805	26.745.150.669
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.295.402.626	351.043.800	3.590.805.252	352.109.400
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		200.896.443	755.889.996	2.640.700.356	2.395.303.770
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		5.661.468.170	2.178.794.873	52.723.748.701	24.701.956.299
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	-
12. Chi phí khác	32		-	-	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-	-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	18	5.661.468.170	2.178.794.873	52.723.748.701	24.701.956.299
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		566.146.817	217.879.487	5.272.374.870	2.470.195.629
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.095.321.353	1.960.915.386	47.451.373.831	22.231.760.670
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	487	229	4.534	2.595


  
 Phạm Bá Huy  
 Tổng Giám đốc  
 Lào Cai, ngày 16 tháng 01 năm 2013

  
 Nguyễn Thị Hòa  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Quý IV/2012

(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2012	Năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>		<b>52.723.748.701</b>	<b>24.701.956.299</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ	2		4.376.513.774	3.490.781.521
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(3.590.805.252)	(352.109.400)
- Chi phí lãi vay	6		-	-
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>53.509.457.223</b>	<b>27.840.628.420</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(30.131.983.889)	(8.247.333.534)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.438.989.329	(2.209.997.862)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		6.175.083.261	701.922.032
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.874.449.057	(2.380.058.879)
- Thuế TNDN đã nộp	14		-	(644.890.814)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>35.865.994.981</b>	<b>15.060.269.363</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(114.000.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(34.490.000.000)	(5.520.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		703.455.556	2.109.400
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(147.786.544.444)</b>	<b>(10.517.890.600)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ SH	31		128.520.000.000	-
			128.520.000.000	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>128.520.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>16.599.450.537</b>	<b>4.542.378.763</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>7.412.916.351</b>	<b>2.870.537.588</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>		<b>24.012.366.888</b>	<b>7.412.916.351</b>



Phạm Bá Huy  
Tổng Giám đốc  
Lào Cai, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH Gia Long là Công ty TNHH có hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 1202000192 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp Đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 09 năm 2002. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về loại hình doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh cũng như vốn điều lệ của Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai lần lượt chứng nhận tại các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi. Hiện tại Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp ngày 26/12/2012 với mã số doanh nghiệp là 5300208618.

**Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Khai thác, chế biến, kinh doanh quặng kim loại đen, kim loại màu; Mua bán máy móc, thiết bị phụ tùng thay thế; Tư vấn các hoạt động hỗ trợ khai thác khoáng sản; Mua bán, sản xuất vật liệu xây dựng; Mua bán, xuất nhập khẩu dầu thô, than và các sản phẩm của chúng; Mua bán hóa chất, vật tư phân bón phục vụ cho công nghiệp, nông nghiệp; Kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng nông sản, lâm sản, thủy hải sản.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỰC KẾ TOÁN**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ Kế toán Doanh nghiệp.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

“Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 10

**Chi phí xây dựng dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi đầu tư để hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi được bàn giao đưa vào sử dụng.

**Các khoản chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ xuất phục vụ sản xuất kinh doanh và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng và các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo Công văn số 161 CT/TT&HT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	838.437.451	704.882.265
Tiền gửi ngân hàng	2.173.929.437	4.708.034.086
Các khoản tương đương tiền	21.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.012.366.888</b>	<b>7.412.916.351</b>

**6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Cho vay ngắn hạn (*)	119.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>119.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>

(\*) Khoản tiền đầu tư cho các cá nhân vay theo các hợp đồng vay tiền ngày lãi suất dao động từ 10% đến 14%/năm. Thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày nhận nợ, lãi trả một lần vào ngày trả gốc, được điều chỉnh 6 tháng một lần.

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu khác	41.686.152	937.587.490
Phải thu tiền lãi cho vay	3.213.471.093	350.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.255.157.245</b>	<b>1.287.587.490</b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Nguyên liệu, vật liệu	677.616.779	233.384.694
Công cụ, dụng cụ	107.900.000	477.832.672
Chi phí SX, KD dở dang	6.848.887.029	-
Hàng hóa	2.359.049.000	11.721.224.771
<b>Cộng</b>	<b>9.993.452.808</b>	<b>12.432.442.137</b>

**9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế xuất, nhập khẩu	422.526.555	-
Thuế tài nguyên	94.393.403	-
<b>Cộng</b>	<b>516.919.958</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Cộng (VND)
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 31/12/2011	50.449.770.032	8.240.077.635	1.040.295.578	143.401.000	59.873.544.245
Tăng trong năm	-	100.000.000	-	18.090.909	18.090.909
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	50.449.770.032	8.340.077.635	1.040.295.578	161.491.909	59.991.635.154
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 31/12/2011	4.471.733.760	2.744.508.399	1.040.295.578	143.401.000	8.399.938.737
Tăng trong năm	3.548.101.970	825.396.652	-	3.015.152	4.376.513.774
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	8.019.835.730	3.569.905.051	1.040.295.578	146.416.152	12.776.452.511
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 31/12/2011	45.978.036.272	5.495.569.236	-	-	51.473.605.508
Số dư tại 31/12/2012	42.429.934.302	4.770.172.584	-	15.075.758	47.215.182.643

**11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT LIÊN DOANH**

	SL	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình		24.500.000.000	6.010.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai Quảng Trị	1.600.000	16.000.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>40.500.000.000</b>	<b>6.010.000.000</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	64.828.733	1.724.864.129
Chi phí sửa chữa đường vào Mô Bản Mế	-	2.214.413.661
<b>Cộng</b>	<b>64.828.733</b>	<b>3.939.277.790</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.766.232.186	1.182.140.714
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.001.511.811	2.085.519.785
<b>Cộng</b>	<b>8.767.743.997</b>	<b>3.267.660.499</b>

**14. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2010</b>	-	-	-
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>24.573.695.392</b>	<b>110.253.695.392</b>
- Tăng vốn	-	-	-
- Tăng do chuyển đổi	85.680.000.000	2.341.934.722	88.021.934.722
- Lãi	-	22.231.760.670	22.231.760.670
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2011</b>	<b>85.680.000.000</b>	<b>24.573.695.392</b>	<b>110.253.695.392</b>
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>47.451.373.831</b>	<b>176.666.300.754</b>
- Tăng vốn	128.520.000.000	-	128.520.000.000
- Lãi	-	47.451.373.831	47.451.373.831
- Tăng khác	-	694.926.923	694.926.923
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>214.200.000.000</b>	<b>72.719.996.146</b>	<b>286.919.996.146</b>

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại 31/12/2012

Cổ đông	Cơ cấu sở hữu			Trong đó		Giá trị vốn thực góp tại 31/12/2012 VND
	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Giá trị VND	CP phổ thông	CP ưu đãi	
Ông Bùi Đức Thanh	2.550.000	11,90	25.500.000.000	2.550.000	-	25.500.000.000
Bà Lưu Thị Thanh Mai	1.200.000	5,60	12.000.000.000	1.200.000	-	12.000.000.000
Những cổ đông khác	17.670.000	82,50	176.700.000.000	17.670.000	-	176.700.000.00
<b>Cộng</b>	<b>21.420.000</b>	<b>100</b>	<b>214.200.000.000</b>	<b>21.420.000</b>	<b>-</b>	<b>214.200.000.000</b>

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Quý IV/2012 VND	Năm 2012 VND	Quý IV/2011 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	11.867.503.647	95.274.986.835	4.234.675.701	44.576.826.518
<b>Cộng</b>	<b>11.867.503.647</b>	<b>95.274.986.835</b>	<b>4.234.675.701</b>	<b>44.576.826.518</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Quý IV/2012 VND	Năm 2012 VND	Quý IV/2011 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	8.300.541.659	43.501.343.030	1.651.034.632	17.831.675.849
<b>Cộng</b>	<b>8.300.541.659</b>	<b>43.501.343.030</b>	<b>1.651.034.632</b>	<b>17.831.675.849</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Quý IV/2012 VND	Năm 2012 VND	Quý IV/2011 VND	Năm 2011 VND
Lãi cho vay, tiền gửi	2.295.402.626	3.590.805.252	351.043.800	352.109.400
<b>Cộng</b>	<b>2.295.402.626</b>	<b>3.590.805.252</b>	<b>351.043.800</b>	<b>352.109.400</b>

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Quý IV/2012 VND	Năm 2012 VND	Quý IV/2011 VND	Năm 2011 VND
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</b>				
Lợi nhuận trước thuế	5.661.468.170	52.723.748.701	2.178.794.873	24.701.956.299
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-	-	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế		-	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ		-	-	-
Lỗi năm trước chuyển sang		-	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>5.661.468.170</b>	<b>52.723.748.701</b>	<b>2.178.794.873</b>	<b>24.701.956.299</b>
Thuế suất áp dụng (*)	10%	10%	10%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>566.146.817</b>	<b>5.272.374.870</b>	<b>217.879.487</b>	<b>2.470.195.629</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>				
<b>Cộng thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>5.095.321.353</b>	<b>47.451.373.831</b>	<b>1.960.915.386</b>	<b>22.231.760.670</b>

(\*) Theo Công văn số 161 CT/TT&HT ngày 28 tháng 01 năm 2011 của Cục thuế tỉnh Lào Cai, Công ty được áp dụng thuế suất 20% đối với thuế TNDN, Công ty được miễn 02 năm và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp trong thời hạn 06 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Quý IV/2012</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Quý IV/2011</u>	<u>Năm 2011</u>
+ Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.095.321.353	47.451.373.831	1.960.915.386	22.231.760.670
+ Các khoản điều chỉnh lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:				
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-	-	-
+ Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.095.321.353	47.451.373.831	1.960.915.386	22.231.760.670
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.469.392	10.469.392	8.568.000	8.568.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	487	4.532	229	2.595

**20. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Công ty không có khoản công nợ tiềm tàng nào khác cần điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được xem là các bên có liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2012 và kết thúc vào ngày 31/12/2012, Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình và Ông Lưu Công Cường được nhận biết là các bên có liên quan của Công ty.

<b>Chi tiết giao dịch với các bên liên quan</b>	<b>Quý IV/2012</b>	<b>Năm 2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Thu tiền gốc vay và lãi vay</b>		
Thu tiền gốc vay của Ông Lưu Công Cường (*)	-	3.000.000.000
Thu tiền lãi vay của Ông Lưu Công Cường (*)	-	420.000.000
(*) Ông Lưu Công Cường là em của bà Lưu Thị Thanh Mai - Ủy viên Hội đồng Quản trị		
<b>Bán hàng</b>		
Bán hàng cho Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình	1.327.415.247	33.241.342.397
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		<b>31/12/2012</b>
		<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình		15.867.861.637
<b>Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh</b>		
Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (*)		24.500.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai Quảng Trị (**)		16.000.000.000
(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng). Theo đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai chiếm 49% vốn chủ sở hữu của Công ty TNHH Gia Long Hòa Bình.		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN**

*Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(\*\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai Quảng Trị (vốn điều lệ là 80 tỷ đồng). Theo đăng ký kinh doanh, Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai chiếm 20% vốn chủ sở hữu (tương đương 1.600.000 cổ phiếu, giá trị cổ phần 16.000.000.000) của Công ty Cổ phần Khoáng sản Lào Cai Quảng Trị.

**22. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**23. THÔNG TIN KHÁC**

Giải trình về kết quả kinh doanh quý IV/2012:

Trong quý IV năm 2012, lợi nhuận đạt 5.095.321.353 đồng trong khi cùng kỳ năm ngoái là 1.960.915.386 đồng, tăng hơn 159%. Nguyên nhân chủ yếu do 02 yếu tố:

- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh quý IV/2012 đạt 11.867.503.647 đồng, tăng 7.632.827.946 đồng so với cùng kỳ năm ngoái (quý IV/2011 đạt 4.234.675.701 đồng). Trong quý IV/2012 doanh thu thuần của Công ty đã tăng chủ yếu trong kỳ do Công ty đã tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm và doanh thu từ hợp đồng tư vấn hỗ trợ khai thác mỏ đã ký đầu năm.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính quý IV/2012 đạt 2.295.402.626 đồng, trong khi quý IV/2011 là 351.043.800 đồng, tăng 1.944.358.826 đồng. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu là doanh thu từ hoạt động cho vay ngắn hạn.



Phạm Bá Huy  
Tổng Giám đốc

Lào Cai, ngày 16 tháng 01 năm 2013

Nguyễn Thị Hoa  
Kế toán trưởng